CÔNG TY CỔ PHẦN TVĐT
VÀ TM VIỆT TRUNG

Số: 02 /CV-VT

(V/v công bố năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng lên trang thông tin của Sở Xây dựng Thanh Hóa)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Tư vấn giám sát, Nhà thầu thi công; Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thương mại Việt Trung Công bố năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, cụ thể:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1.1 Tên tổ chức: **Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thương mại Việt Trung**

- Giấy đăng ký kinh doanh số 2801287478 do Sở kế hoạch và đầu tư Thanh Hóa cấp ngày 26 tháng 02 năm 2009; thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 07 năm 2025.

- Địa chỉ: Lô 05, Khu B3, khu công nghiệp Hoàng Long, Phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: 0913293412

1.2 Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

- Địa chỉ: Lô 05, Khu B3, khu công nghiệp Hoàng Long, Phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: 0913293412

Đăng ký công bố thông tin năng lực: Đơn vị đủ điều thực hiện các phép thử (*có phụ lục kèm theo*).

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thương mại Việt Trung cam kết chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, Sở Xây dựng và đơn vị liên quan về tính chính xác, đúng năng lực thực tế của đơn vị, phù hợp theo quy định của pháp luật đối với số liệu, nội dung công bố nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ XD (để BC);
- Lưu VT-CT.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2801287478 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT TRUNG P. NGUYỆT VIÊN T. THANH HÓA

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thắng

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ
(Kèm theo Văn bản số 02/CV-VT ngày 24/03/2026 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thương mại Việt Trung)

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG**	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN4030:2003
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định độ nở sun phát	TCVN 6068:2004
II	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
6	Xác định độ cứng Vebe	TCVN:3107:2022
7	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022
8	Xác định độ tách nước tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
9	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
10	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:2022
11	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022
12	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022
13	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022
14	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022
15	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
16	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
17	Xác định giới hạn bền kéo khi bửa	TCVN 3120:2022
18	Xác định cường độ lăng trụ ,mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
III	**THỬ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
19	Xác đinh thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7570-2:06
20	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06
21	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
22	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
23	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp, độ hổng	TCVN 7572-6:06
24	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
25	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu	TCVN 7572-8:06

Scanned with CamScanner

	và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	
26	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
27	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
28	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
29	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angles)	TCVN 7572-12:06
30	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
31	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa đá dăm(sỏi)	TCVN 7572-17:06
32	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
33	Xác định hàm lượng Mica	TCVN 7572-20:06
34	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91
IV	**VỮA XÂY DỰNG**	
35	Xác định độ lưu động của vữa tươi(PP bàn dằn)	TCVN 3121-3:2022
36	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
37	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
38	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
39	Xác định Cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
40	Xác định cường độ dính bám của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-12:2022
41	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
V	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG**	
42	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ bền nén, Xác định cường độ bền uốn, Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng riêng, Xác định khối lượng thể tích, Xác định độ rỗng	TCVN 6355-1-6:2009
VI	**GẠCH BLỐC BÊ TÔNG**	
43	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ bền nén; Xác định độ rỗng; Xác định độ thấm nước; Xác định độ hút nước	TCVN6477:2016
VII	**GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN**	
44	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN6476:1999
VIII	**BÊ TÔNG NHỰA**	
45	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
46	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11

Scanned with CamScanner

47	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
48	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
49	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
50	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
51	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
52	Xác định thành phần cấp phối BTN	TCVN 8820:2011; TCVN 8860:2011
IX	**NHỰA BITUM**	
53	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI theo mục lục II thông tư 27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495 : 2005
54	Xác định độ kéo dài ở 25oC	TCVN 7496 : 2005
55	Xác định nhiệt độ hoá mềm (phương pháp vòng bi)	TCVN 7497:2005
56	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005
57	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi đun nóng ở 163oC trong 5h.	TCVN 7499:05
58	Xác định lượng hoà tan trong Trichlorothylene	TCVN 7501:2005
59	Xác định khối lượng riêng ở 25oC	TCVN 7501:2005
60	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05
X	**BỘT KHOÁNG TRONG BTN**	
61	Hình dáng bề ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng; Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; Xác định KLTT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường.	22TCN 58:1984
XI	**KIM LOẠI, HÀN**	
62	Phương pháp Thử kéo (giãn dài, giới hạn chảy, giới hạn bền)	TCVN 197:2014
63	Phương pháp Thử uốn	TCVN 198:2008
64	Phương pháp thử uốn thép gai	
65	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:2010; TCVN 5403:2010; TCVN 8310:2010;
66	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử nén dẹt	TCVN 5402 :2010
67	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử kéo	TCVN 5403:2010

Scanned with CamScanner

68	Cốt thép – Phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 224:1998
69	Thử kéo Bulong (thử cát Bu lông, thử nghiệm ren, than bu lông	TCVN 5403:2010 TCVN 1916:1995
70	Thử nghiệm cường độ, độ dãn dài độ tụt neo, mô đun đàn hồi của cáp DUL	ASTM A370:02
XII	**ĐẤT TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM**	
71	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
72	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
73	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	
74	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:14
75	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12
76	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
77	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng): PP dao vòng	TCVN 4202:2012
78	Thí nghiệm sức chịu tải của đất CBR - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 332:2006
79	Thí nghiệm đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006
80	Xác định hệ số thấm K Đất, Cát	TCVN 8723:2012
81	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
XIII	**CÁC THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
82	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02-71; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; TCVN 12791:20
83	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; TCVN 8730:12
84	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3 m	TCVN 8864:2011
85	Xác định môđun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
86	Xác định mô đun đàn hồi E chung của áo đường bằng cần Belkenman	TCVN 8867:2011
87	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
88	Cọc –Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
90	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396 : 2012
90	Xác định sức chịu tải của nền đất	ASTM D1194-94
91	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945-00
92	Trắc địa công trình	TCVN 9398:2012
93	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012

Scanned with CamScanner

		TCVN 4756:1989
94	Xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
95	Xác định dịch chuyển ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012
96	Quan trắc độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:12
97	Thí nghiệm nhổ cọc, nén ngang, nén dọc	TCXD 82:88
98	Xác định độ ẩm hiện trường phương pháp nhanh	AASHTO T217- ASTM D4944
XIV	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CPĐD VÀ CẤP PHỐI THIÊN NHIÊN GIA CỐ XI MĂNG**	
99	Thành phần hạt; Cường độ giới hạn chịu nén; cường độ giới hạn kéo khi ép chẻ	TCVN 9403:2012; TCVN 8862:2011
XV	**THÍ NGHIỆM NƯỚC XÂY DỰNG**	
100	Xác định váng dầu mỡ quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:12
101	Xác định mùi, màu, sắc, vị nước quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:12
102	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:96 TCVN 4565:88
103	Xác định độ PH	TCVN 6492: 2011
104	Xác định hàm lượng muối hòa tan Xác định lượng cặn không hòa tan	TCVN 4506:2012
105	Xác định hàm lượng Clorua (CL-)	TCVN 6194:96
106	Xác định hàm lượng Sunfat (SO4-)	TCVN 6200:1996
107	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6193-3:2000
XVI	**THÍ NGHIỆM NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXIT**	
108	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11
109	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11
110	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11
111	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11
112	Xác định độ bám dính với cốt liệu hiện trường	TCVN 8817-15:11
XVII	**GẠCH TERRAZZO**	
113	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ uốn; độ hút nước, xác định độ mài mòn; chiều dày lớp mặt	TCVN 7744:2013
XVIII	**GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN**	
114	Xác định độ mài mòn bề mặt; Xác định độ hút nước; Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên; Xác định độ cứng của lớp	TCVN 6065:1995
XIX	**CƠ LÝ NGÓI LỢP**	
115	Xác định tải trọng uốn gãy; Độ hút nước; Xác định thời gian xuyên nước; Xác định khối lượng 1m2 ngói bão hòa nước	TCVN 4313-95

Scanned with CamScanner

XX	**GẠCH GRANIT**	
116	Xác định chất lượng bề mặt; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn, độ bền uốn; kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 6883:2001
XXI	**THÍ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT XÂY DỰNG**	
117	Xác định độ cứng lớp mặt; Xác định khối lượng thể tích; Xác định cường độ bền uốn; Xác định kích thước khuyết tật; Xác định độ hút nước; Độ mài mòn	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2011
XXII	**THÍ NGHIỆM BENTONITE**	
118	Xác định khối lượng riêng; Xác định độ nhớt; Xác định hàm lượng cát; Xác định tỷ lệ chất keo; Xác định lượng mất nước; Xác định độ dày áo sét; Xác định lực cắt tĩnh; Xác định tính ổn định; Xác định độ pH	TCVN 11893:17

Ghi chú (*) : *Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.*

Scanned with CamScanner

DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH

Stt	Tên máy móc/ thiết bị	ĐVT (cái)	Số Lượng	Ghi chú
1	Bộ sàng đường kính 200mm - TQ bao gồm các cỡ từ 50-0,071	Cái	32	
2	Cân điện tử 4000g x 0.01g	Cái	1	
3	Cân điện tử 6000g x 0.01g	Cái	1	
4	Cân điện tử 15kg x 0.5g - OHAUS (Mỹ) Model: EC15	Cái	1	
5	Tủ sấy 300C, model 101-1 - TQ	Cái	1	
6	Đồng hồ bấm giây - TQ/Liên Xô Model: V170	Cái	1	
7	Máy nén, uốn xi măng - T.TECH - Model: TE153 - Khả năng nén/vạch chia: 100KN/0,2KN - Đồng hồ chỉ thị 2 kim đường kính 26cm. - Linh kiện ngoại nhập - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha	Cái	1	
8	Khuôn lập phương 15x15x15 Khuôn hình trụ 15x30	Cái	30	
9	Khuôn vữa xi măng 70,7 x 70,7 x 70,7 kép 3 Khuôn vữa 4x4x16cm	Cái	5	
10	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm - TQ	Cái	2	
11	Bình tỷ trọng xi măng - TQ	Cái	2	
12	Dụng cụ VICA - TQ Model: TM.013.17 Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	Cái	1	
13	Khuôn xi măng Le Chaterlier – TQ	Cái	3	
14	Bàn dằn vữa xi măng - T.TECH kèm khâu chuẩn và thước kẹp	Cái	1	
15	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380 Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	Cái	1	
16	Máy dằn vữa xi măng tiêu chuẩn -TQ Biên độ rung: 15 +/- 0,3mm Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	Cái	1	
17	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160 - T.TECH	Cái	2	
18	Thiết bị xác định hàm lường sét của cát (Bình rửa cát) - T.TECH	Cái	1	

Scanned with CamScanner

Stt	Tên máy móc/ thiết bị	ĐVT (cái)	Số Lượng	Ghi chú
19	Bảng màu chuẩn - T-TECH	Cái	1	
20	Bếp cách cát 1000W / 220V - TQ	Cái	1	
21	Bộ xi lanh nén dập đá D75-T.TECH	Cái	1	
22	Bộ xi lanh nén dập đá D150-T.TECH	Cái	1	
23	Hộc đong 1 lít-T.TECH	Cái	1	
24	Hộc đong 2 lít-T.TECH	Cái	1	
25	Hộc đong 3 lít-T.TECH	Cái	1	
26	Hộc đong 5 lít-T.TECH	Cái	1	
27	Hộc đong 10 lít-T.TECH	Cái	1	
28	Hộc đong 15 lít-T.TECH	Cái	1	
29	Hộc đong 20 lít-T.TECH	Cái	1	
30	Phễu xác định độ xốp của đá - T.TECH	Cái	1	
31	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH	Cái	1	
32	Thiết bị xác định hàm lường sét của đá (Bình rửa đá) - T.TECH	Cái	1	
33	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH	Cái	1	
34	Dụng cụ góc đo góc nghỉ của cát	Cái	1	
35	Máy thử độ mài mòn Los Angeles-VN Model: 41 với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tuỳ ý và hiển thị số điện tử. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, A076-01 và 1 khay hứng mẫu, A076-02	Cái		
36	Máy kéo nén -TQ - Model: WE-600B; số: 70802 - Máy được dùng để kéo, uốn thép	Cái	1	
37	Máy thử độ bền nén 150KN – Comat; số: 31	Cái	1	
38	Tỷ trọng kế loại -TQ	Cái	1	
39	Bình tỷ trọng đất 100cc - TQ	Cái	10	
40	ống đong 50 ml	Cái	6	
41	ống đong 100 ml	Cái	2	

Scanned with CamScanner

Stt	Tên máy móc/ thiết bị	ĐVT (cái)	Số Lượng	Ghi chú
42	ống đong 250 ml	Cái	5	
43	Bình tam giác 100ml	Cái	1	
44	Bình tam giác 250ml	Cái	1	
45	Bình tam giác 500ml	Cái	1	
46	Bình tam giác 1000ml	Cái	1	
47	Thiết bị chảy casagrande Comat Model: M453.13 bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	Cái	1	
48	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Model: TS178	Cái	1	
49	Hộp ẩm bằng nhôm đk56mm - T.TECH	Cái	50	
50	Máy nén CBR - TQ - Kiểu : CBR-II; số 20619/06970 - Hoạt động bằng động cơ điện, điện áp 220V/ 50HZ, theo tiêu chuẩn ASTM, AASHTO và phù hợp với tiêu chuẩn Việt nam, tốc độ gia tải 1,27mm/phút (có tốc độ di chuyển nhanh khi không tải). kèm theo piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so (chưa kèm Cung lực)	Cái	1	
51	Cung lực 50 KN - TQ, Model: S370-10 đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm	Cái	1	
52	Khuôn CBR - T.TECH Model: TS200 Bao gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so	Cái	16	
53	Đồng hồ so, dải đo 10 x 0,01mm - TQ Model: S376	Cái	3	
54	Đĩa phân cách - T.TECH: Model: TS200-03	Cái	1	
55	Máy nén đất tam liên WG số: 01000106 kèm đầy đủ phụ kiện như quả cân, đá thấm, dao cắt...TQ	Cái	1	
56	Máy cắt đất 2 tốc độ EDJ-1 (ZJ), số: 04059 kèm đầy đủ phụ kiện: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ - TQ	Cái	1	
57	Bộ cối chày bằng sứ - TQ Model: V112-01	Cái	1	
58	Dao cắt đất 30cm2 - T.TECH; Model: TS260-01	Cái	3	
59	Dao cắt đất 50cm2 - T.TECH; Model: TS260-02	Cái	3	

Scanned with CamScanner

Stt	Tên máy móc/ thiết bị	ĐVT (cái)	Số Lượng	Ghi chú
60	Protor cải tiến: cối TS186 + chày TS188 - T.TECH	Cái	3	
61	Protor tiêu chuẩn: cối TS185 + chày TS187 - T.TECH	Cái	1	
62	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh gim-T.TECH Model:T S234	Cái	5	
63	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH. Model: TS084 kèm 03 lưỡi dao: TS084-01	Cái	4	
64	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh - T.TECH Model: TS225. Bao gồm: Tấm ép đk340mm, tấm tự lựa, kích thuỷ lực 32tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ giàn đỡ thiên phân kế, 02 thiên phân kế	Cái	1	
65	Bộ cần Benkenman - VN Model: M.2016.17 Tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX , rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, dễ sử dụng	Cái	1	
66	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát; Model: TB111	Cái	1	
67	Thiết bị kim lún nhựa - TQ Model: CXS-2801. Số: 901003	Cái	1	
68	Đồng hồ chỉ thị dịch chuyển 50mm x 0,01 mm; kèm cốc mẫu, cốc nước giữ nhiệt, 02 kim	Cái	1	
69	Thiết bị TN bốc cháy nhựa - T.TECH. Model: TB086 không kèm bình ga và van	Cái	1	
70	Thiết bị TN hoá mềm nhựa-TQ Model: DF-12 số: 166	Cái	1	
71	Thiết bị xác định lượng hoà tan nhựa trong Tricloethylen	Cái	1	
72	Đũa thuỷ tinh - TQ; Model: V147	Cái	1	
73	Bơm chân không - TQ Model: V203	Cái	1	
74	Bình hút chân không 8 lít - TQ Model: A039	Cái	1	
75	ống cao su; Model: V203-02	Cái	2	
76	Đồng hồ chỉ thị áp - TQ; Model: V203-03	Cái	1	
77	Bộ chày đầm marshall bằng tay - T.TECH Model: TB032. kèm đế gỗ, 04 thanh định vị	Cái	1	
78	Rọ cân trong nước - T.TECH Model: TV041	Cái	1	
79	Nhiệt kế kim loại 0-250C; V160-03	Cái	1	
80	TB030 :Thân khuôn Marshall	Cái	3	

Scanned with CamScanner

Stt	Tên máy móc/ thiết bị	ĐVT (cái)	Số Lượng	Ghi chú
81	Thùng ổn nhiệt - T.TECH Model: TB050 Nhiệt độ điều khiển: 0-100 độ Dung tích: 32 lít	Cái	1	
82	Thiết bị giãn dài nhựa - VN Model: CN5.1129	Cái	1	
83	Khuôn mẫu chuẩn, hình số 8 bằng đồng - T.TECH; Model: B054-01	Cái	3	
84	Máy ly tâm tách nhựa - T.TECH/TQ Model: L100 Khả năng: 3000g Tốc độ được điều khiển từ 0 - 2800V/phút bằng biến tần - HITACHI - Nhật Điện áp nguồn: 220V/50Hz	Cái	1	
85	Thiết bị XĐ tổn thất khi nung-T.TECH Model: TB142 Bao gồm:1 lò sấy, mô tơ 5vòng/phút, giá quay)	Cái	1	
86	Máy thử độ bền nén bê tông – TQ Kiểu: TYA-2000, số 90113	Cái	1	
87	Máy thử độ bền nén bê tông – TQ Kiểu: TYE -2000, số 011	Cái	1	
88	Thiết bị siêu âm cọc khoan nhồi – Mỹ Kiểu: CSL-1; số FD0604193MM	Cái	1	
89	Thiết bị kiểm tra cọc động - USA; kiểu: PDA-PAX Số: 4062LA	Cái	1	
90	Siêu âm bê tông – USA Kiểu: CLS1	Cái	1	
91	Bể ổn nhiệt – VN; kiểu N/A số HN005570	Cái	1	
92	Đồng hồ đo biến dạng – TQ; kiểu MC; số: 4A08422	Cái	1	
93	Đồng hồ đo biến dạng – TQ; kiểu MC; số: 5415171	Cái	1	
94	Kích thủy lực 350 tấn – VN; kiểu: Thủy lực Số 201017	Cái	1	
95	Kích thủy lực 32 tấn – TQ; kiểu: Đồng hồ cơ Số HN005579	Cái	1	
96	Lò nung – TQ; kiểu: TDW; số 20109	Cái	1	
97	Máy thử độ bền nén Marshall – TQ; số 02079	Cái	1	
98	Máy trộn vữa xi măng – TQ; kiểu JJ-5; số 0508	Cái	1	

Scanned with CamScanner

Stt	Tên máy móc/ thiết bị	ĐVT (cái)	Số Lượng	Ghi chú
99	Máy thử độ chống thấm bê tông – VN; kiểu: HS-40 Số 200106	Cái	1	
100	Máy thử độ thấm của cát	Cái	1	
101	Côn thử độ sụt của bê tông	Cái	4	
102	Bộ thử dung dịch Bentonite	Cái	1	
103	Cân phân tích	Cái	1	
104	Dụng cụ nén dập xi lanh D75	Cái	1	
105	Dụng cụ nén dập xi lanh D150	Cái	1	

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Công việc thực hiện	Ghi chú
1	**Nguyễn Văn Thắng**	Giám đốc công ty Trưởng phòng thí nghiệm	- Điều hành mọi công việc liên quan đến phòng thí nghiệm. - Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm của Phòng thí nghiệm. - Quản lý, phân công giám sát các thí nghiệm viên làm việc. - Chịu trách nhiệm về hồ sơ tài liệu, sổ sách thí nghiệm, các kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm do mình phụ trách.	- Giấy chứng nhận tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 - Giấy chứng nhận Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 - Bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành xây dựng Cầu – Đường - Giấy chứng nhận Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng - Giấy chứng nhận Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng - Bằng nghề thí nghiệm viên
2	**Nguyễn Thành Luân**	Thí nghiệm viên	- Thí nghiệm xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường - Làm những công việc khác khi được sự phân công của trưởng phòng	Chứng chỉ thí nghiệm viên
3	**Phạm Trọng Hiếu**	Thí nghiệm viên	- Thí nghiệm xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu xây dựng - Làm những công việc khác khi được sự phân công của trưởng phòng	Chứng chỉ thí nghiệm viên
4	**Nguyễn Thế Ngọc**	Thí nghiệm viên	- Thí nghiệm vật liệu xây dựng - Làm những công việc khác khi được sự phân công của trưởng phòng	Bằng trung cấp nghề thí nghiệm
5	**Hoàng Thị Yến**	Thí nghiệm viên	- Thí nghiệm vật liệu xây dựng - Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình - Làm những công việc khác khi được sự phân công của trưởng phòng	- Bằng nghề thí nghiệm viên - Giấy chứng nhận Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng - Giấy chứng nhận tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 - Giấy chứng nhận tập huấn Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình
6	**Nguyễn Mạnh Cường**	Thí nghiệm viên	- Thí nghiệm kim loại và liên kết hàn - Làm những công việc khác khi được sự phân công của trưởng phòng	Chứng chỉ thí nghiệm viên

Scanned with CamScanner